



Bài báo nghiên cứu

CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA PHÁP TẠI NAM KỲ VÀO NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

Lê Thị Tuyết Nhung¹, Lê Văn Đạt²

¹Trường Tiểu học Phước Vân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Thị Tuyết Nhung – Email: lenhungpv@gmail.com

Ngày nhận bài: 13-10-2019; ngày nhận bài sửa: 11-3-2020; ngày duyệt đăng: 22-10-2020

TÓM TẮT

Ngay sau khi vừa chiếm xong vùng đất Nam Kỳ, chính quyền Pháp đã tiến hành thu nhiều loại thuế tại đây. Nhiều loại thuế đã được đặt ra như thuế quan, thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện, thuế thân, thuế ruộng đất, thuế lao dịch... Một số loại thuế này đã có từ thời phong kiến nhà Nguyễn và được Pháp sửa đổi, bổ sung thường xuyên. Số tiền thuế mà người dân Nam Kỳ phải nộp cho chính quyền thuộc địa thường tăng theo thời gian. Số tiền thuế này được chính quyền thuộc địa dùng để nuôi bộ máy cai trị, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc khai thác thuộc địa... Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách thuế thời Pháp thuộc mang tính khoa học, tính pháp lý cao nhưng đồng thời cũng mang tính “tận thu” khá triệt để. Chính sách thuế nặng nề thời kì này đã làm người dân Nam Kỳ bị “bần cùng hóa” và nó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ chống lại sự cai trị của Pháp.

Từ khóa: chính sách thuế; Nam Kỳ; Pháp

1. Đặt vấn đề

Tháng 02/1859, Pháp đánh chiếm Gia Định. Ngày 05/6/1862, nhà Nguyễn kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Đến ngày 15/3/1874, triều đình Huế kí tiếp hiệp ước Giáp Tuất chính thức xác nhận lục tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc địa của Pháp. Từ đây, Pháp bắt đầu quá trình thiết lập bộ máy cai trị ở Nam Kỳ.

Trong quá trình xâm lược và đô hộ Nam Kỳ, Pháp cần một khoản tiền lớn để chi trả tổn phí chiến tranh, nuôi bộ máy cai trị vừa được xây dựng từ trung ương đến địa phương, xây dựng hạ tầng cơ sở thiết yếu. Chính vì nhu cầu về tài chính bức thiết đó, Pháp đã tìm cách giải quyết bằng cách đặt ra các loại thuế mới bên cạnh những loại thuế cũ đã có từ thời Nguyễn.

Bài nghiên cứu này nhằm làm rõ các loại thuế đã được chính quyền thuộc địa ban hành thông qua các nghị định như Nghị định ngày 10/01/1863, Nghị định ngày 30/01/1867, Nghị định ngày 08/5/1873, Nghị định ngày 16/9/1875, Nghị định 28/01/1890...

Cite this article as: Le Thi Tuyet Nhung, & Le Van Dat (2020). The tax policy of the French colonialists in Cochinchina in the end of the nineteenth century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(10), 1856-1866.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tình hình Nam Kỳ nửa cuối thế kỉ XIX

Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX trong bài nghiên cứu này được tính từ năm 1859, khi Pháp đưa quân tấn công vào Gia Định, đến hết năm 1899 – năm kết thúc thế kỉ XIX.

Năm 1859, sau khi bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, Pháp đã thay đổi kế hoạch, đem quân tấn công Gia Định. Trong khi quân đội triều đình bị động đậy phó với quân giặc thì hàng nghìn nghĩa dũng đã xung phong đánh đòn giặc làm cho quân Pháp gặp nhiều khó khăn, khốn đốn.

Tuy nhiên, giữa lúc phong trào kháng chiến của nhân dân đang ngày càng dâng cao thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (05/6/1862), nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Pháp bắt tay ngay vào việc tổ chức bộ máy cai trị và chuẩn bị mở rộng phạm vi chiếm đóng. Bên cạnh đó, lợi dụng sự bạc nhược của triều đình Huế, trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24/6/1867), Pháp đã chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) mà không tốn một viên đạn.

Sau khi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay Pháp, phong trào kháng chiến trong nhân dân vẫn tiếp tục dâng cao. Một số văn thân, sĩ phu yêu nước bất hợp tác với giặc, tìm cách vượt biên ra vùng Bình Thuận nhằm mưu cuộc kháng chiến lâu dài. Một số khác ở lại bám đất, bám dân, tiếp tục tiến hành cuộc vũ trang chống Pháp.

Ngày 15/3/1874, triều đình Huế kí tiếp hiệp ước Giáp Tuất chính thức xác nhận lục tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp. Từ đây, Pháp bắt đầu quá trình thiết lập bộ máy cai trị trên toàn vùng Nam Kỳ. Đến năm 1887, Nam Kỳ trở thành một vùng lãnh thổ nằm trong Liên bang Đông Dương.

2.2. Chính sách thuế của Pháp ở Nam Kỳ nửa cuối thế kỉ XIX

2.2.1. Mục đích của chính sách thuế của Pháp nửa cuối thế kỉ XIX

Ngay khi vừa đánh chiếm được Sài Gòn, các đô đốc Pháp đã lập tức cho mở cửa thương cảng Sài Gòn để thu thuế từ thuyền bè các nước vào buôn bán. Mục đích của Pháp lúc này là tìm một khoản “tài chính” để trang bị lương thực, thực phẩm và các phương tiện chiến tranh cho quân đội viễn chinh, tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Nam Kỳ.

Khi Pháp vừa đặt nền cai trị lên vùng đất Nam Kỳ, họ bắt tay ngay vào việc thu các loại thuế. Số tiền thu được từ thuế nhằm mục đích bổ sung cho ngân sách, chi trả tổn phí chiến tranh, trả lương cho các chức việc nhà nước thực dân, xây dựng hạ tầng cơ sở nhằm khai thác thuộc địa. Mục đích chủ yếu của chính quyền thuộc địa trong việc ban hành chính sách thuế đó là vơ vét tiền của trong nhân dân, bóc lột thuộc địa.

2.2.2. Các loại thuế được chính quyền thuộc địa ban hành

Trước tiên, Pháp vẫn duy trì các loại thuế đã có từ thời nhà Nguyễn mà người dân đã quen đóng góp. Sau đó, họ đặt ra các loại thuế mới. Các loại thuế được thu và phân chia theo loại ngân sách: thu cho ngân sách Đông Dương (chủ yếu là thuế quan, thuế muối,

thuế rượu, thuế thuốc phiện...), thu cho ngân sách địa phương gồm các xứ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ), thu cho ngân sách các hạt tham biện¹ (chủ yếu là thuế thân, thuế ruộng đất, thuế lao dịch...).

2.2.2.1. Thuế chủ yếu thu cho ngân sách Đông Dương

Từ năm 1887, Nam Kỳ trở thành một vùng lãnh thổ nằm trong Liên bang Đông Dương nên theo chính quyền thực dân thì Nam Kỳ phải có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho ngân sách Đông Dương thông qua số tiền thu được từ các loại thuế.

Thuế quan (còn gọi là thuế đòan, thuế thương chính): Thuế này được thi hành cho đến năm 1940. Chính quyền thuộc địa đã quy định cụ thể từng mặt hàng phải chịu thuế xuất cảng là bao nhiêu. Điển hình là:

Thuế gạo chở ra cảng, mỗi tạ² phải chịu thuế 0\$15 (Nghị định ngày 15/11/1880, Nghị định ngày 23/11/1887). Riêng gạo lúa chở về Pháp và các thuộc địa của Pháp sẽ được ưu tiên bớt thuế chỉ còn 0\$10 một tạ.

Thuế trâu, bò xuất cảng mỗi con phải nộp thuế 25 cents (Nghị định ngày 16/1/1882). Thuế heo xuất cảng mỗi tạ phải chịu 75 cents (Nghị định ngày 24/3/1887). Thuế chở khí giới, thuốc súng, đạn pháo... nhập cảng vào Nam Kỳ được nhập với thuế hóa hạng từ ngày 1/6/1887. Chính quyền thu thuế 10% theo giá vũ khí, đạn pháo... Có thể thấy chính quyền đánh thuế nặng vào các mặt hàng này vì chủ trương hạn chế du nhập vào Nam Kỳ khí giới, thuốc súng, đạn pháo... nhằm đảm bảo an ninh trật tự tại đây.

Thuế muối: Chính quyền thuộc địa quy định toàn bộ số muối mà dân sản xuất phải bán hết cho sở muối với giá rẻ, rồi sở sẽ lập các cửa hàng bán muối lẻ cho dân với giá cao hơn, để hưởng lợi nhuận. Việc làm này không chỉ phục vụ mục tiêu tận thu của chính quyền Pháp mà còn mang ý nghĩa chính trị: Pháp có thể dùng muối làm áp lực với nhân dân khi cần, bởi muối là mặt hàng thiết yếu của người dân. Năm 1892, Toàn quyền Đông Dương đã ấn định việc đánh thuế muối đối với người tiêu thụ là 0\$001/kg, đến năm 1897 thuế này tăng lên 0\$005/kg. Nghị định ngày 19/10/1899 quy định thuế này là 0\$01/kg, tức là tăng gấp 10 lần so với năm 1892. (Nguyen, 2016, p.227-228)

Thuế rượu: Pháp cấm mọi việc nấu rượu của người dân (ai muốn nấu rượu phải được sự chấp thuận của chính quyền và phải đóng thuế), đồng thời giao chỉ tiêu bán “rượu tí” cho chính quyền tổng, xã để thu lợi nhuận. Pháp quy định mỗi lít rượu chịu thuế 0\$10.

Thuế thuốc phiện: Pháp cho người mua và chế biến thuốc phiện để bán cho dân. Đây thực sự là mối lợi kékch xù đối với Pháp.

Với số tiền thu được từ các loại thuế này đã đảm bảo cho ngân sách Đông Dương dùng vào việc chi trả lương cho lực lượng nhân viên cả người Pháp lẫn người Việt.

¹Năm 1899 chính quyền đổi tên gọi hạt thành tỉnh.

²Trong giai đoạn này, 1 tạ được tính tương đương 60,40 kg.

2.2.2.2. Thuế thu cho ngân sách địa phương

Thuế thu cho ngân sách địa phương chủ yếu gồm các thứ thuế cũ dưới thời phong kiến như thuế ruộng đất, thuế thân, thuế lao dịch nhưng được chính quyền thuộc địa sửa đổi theo hướng tăng mức thu ngày càng cao hơn.

Thuế ruộng đất (thuế điền thổ): Thuế đất được Pháp quy định cụ thể, chia hạng rõ ràng tùy theo đất tốt xấu. Theo Pháp, việc phân chia hạng ruộng đất khá vất vả, tốn nhiều thời gian, công sức nhưng sẽ đảm bảo sự công bằng. Theo đó, người sở hữu ruộng đất tốt, ngay trung tâm Sài Gòn, Chợ Lớn hay tỉnh lỵ sẽ đóng thuế nhiều hơn và ngược lại. Theo Nghị định ngày 01/6/1888, đất thành phố Sài Gòn chia ra làm 4 hạng: Hạng nhất đóng thuế 375 đồng một mẫu; Hạng nhì đóng thuế 167 đồng một mẫu; Hạng ba đóng thuế 63 đồng một mẫu; Hạng tư đóng thuế 50 đồng một mẫu.

Đất xung quanh thành phố Sài Gòn thì chịu thuế 25 đồng một mẫu.

Đất thành Gia Định (tổng Bình Chánh Thượng) chia ra làm 5 hạng: Hạng nhất đóng thuế 25 đồng một mẫu; Hạng nhì đóng thuế 2 đồng một quan năm một mẫu; Hạng ba đóng thuế 4 quan một mẫu; Hạng tư đóng thuế nửa đồng một mẫu; Hạng năm đóng thuế 0,25 đồng một mẫu.

Đất thành phố Chợ Lớn chia ra làm 8 hạng: Hạng nhất đóng thuế 0\$0625 một thước vuông; Hạng nhì đóng thuế 0\$05 một thước vuông; Hạng ba đóng thuế 0\$025 một thước vuông; Hạng tư đóng thuế 0\$0125 một thước vuông; Hạng năm đóng thuế 0\$005 một thước vuông; Hạng sáu đóng thuế 0\$0025 một thước vuông; Hạng bảy đóng thuế 0\$00125 một thước vuông; Hạng tám đóng thuế 0\$000125 một thước vuông (theo Nghị định ngày 06/7/1875).

Đất Mỹ Tho, Vĩnh Long được chia ra làm 3 hạng đóng thuế từ 0\$0125 cho tới 0\$0025 một thước vuông.

Đất Sóc Trăng mỗi năm chịu thuế 0\$0025 một thước vuông (theo Nghị định ngày 12/2/1877).

Đất Bạc Liêu chia ra làm 5 hạng: Đóng thuế từ 0\$025 cho tới 0\$25 (theo Nghị định ngày 08/4/1889).

Thuế đất trong các làng được chia ra đất ruộng (đất trồng lúa) và đất rẫy (đất trồng hoa màu). Trong đó, đất ruộng chia ra làm 3 hạng tùy theo ruộng tốt xấu: Hạng nhất đóng thuế 0\$60; Hạng nhì đóng thuế 0\$40; Hạng ba đóng thuế 0\$20 (theo Nghị định ngày 15/11/1880).

Đất rẫy cũng chia ra làm 3 hạng: Hạng nhất đóng thuế 2\$30; Hạng nhì đóng thuế 0\$80; Hạng ba đóng thuế 0\$40 (theo Nghị định ngày 19/9/1878).

Thuế ruộng muối mỗi năm: Hạng nhất đóng thuế 4 đồng bạc một mẫu; Hạng nhì đóng thuế 2 đồng bạc một mẫu. (J.47, 1890, p.215-216)

Theo Nghị định ngày 14/12/1882, người dân khai phá ruộng muối sau khi canh tác được ba năm mới phải nộp thuế. Như vậy đối với ruộng muối, khi người dân đã làm được ra muối, đã thu được lợi nhuận từ muối thì chính quyền mới thu thuế.

Tuy nhiên, đối với đất trồng cau, trồng dừa, khi người dân chưa thu được hoa lợi thì vẫn phải đóng thuế. Cụ thể đất trồng cau, trồng dừa khi chưa thu được hoa lợi đều được xếp vào đất hạng nhì, đến khi thu được hoa lợi thì sẽ xếp vào đất hạng nhất. Đất trồng trà, trồng bông đều được miễn thuế (theo Nghị định ngày 03/11/1871, Nghị định ngày 20/12/1871). Đất trồng ca cao, cà phê, cao su cũng được ưu tiên không đóng thuế vì đây là những loại cây mới trồng thử tại Nam Kỳ nên chính quyền thuộc địa quyết định miễn thuế nhằm động viên nhiều người trồng các loại cây này. Mặt khác các chủ đồn điền ca cao, cà phê, cao su phần nhiều là người Pháp nên được chính quyền ưu tiên chăm chú cho miễn thuế. Những đất cất chùa miếu, nhà thờ hay những đất thuộc về chùa miếu, nhà thờ tại Nam Kỳ đều không phải đóng thuế. (J.47, 1890, p.216)

Như vậy, chính quyền chia hạng điền (hạng ruộng), hạng thổ (hạng đất) có tính khoa học, phân biệt theo đất canh tác hay đất ở; đất ở thành phố, thị xã hay nông thôn; đất trồng lúa hay các cây công nghiệp, cây ăn quả, đất không trồng trọt; ruộng muối... Bên cạnh đó chính quyền cũng miễn thuế đối với các loại đất dành cho các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như đền miếu, chùa chiền, nhà thờ; miễn thuế cho đất trồng các loại cây được Nhà nước khuyến khích phát triển.

Thuế ghe thuyền được chính quyền chia hai loại là ghe sông và ghe biển. Đây là một nguồn thu lớn, bởi thời kì này phương tiện đi lại chủ yếu của người dân Nam Kỳ là ghe thuyền.

Về ghe sông (theo Nghị định ngày 05/7/1865, Nghị định ngày 25/7/1871), Chính quyền thu thuế theo hạng ghe, ghe lớn chở được trọng lượng lớn thì đóng thuế nhiều hơn còn những ghe nhỏ chở từ 10 tạ trở xuống đều không phải đóng thuế (Thực ra trong những năm đầu cai trị, Pháp thu thuế cả những ghe này nhưng do nhân dân phản đối cộng với ý kiến đề nghị của các thành viên Hội đồng thuộc địa nên chính quyền mới miễn thuế những ghe nhỏ này). Những ghe đóng trong sáu tháng đầu năm phải chịu thuế cả năm, những ghe đóng trong sáu tháng sau chỉ chịu một nửa thuế (xem Bảng 1).

Bảng 1. Bảng thuế ghe sông do chính quyền thuộc địa ban hành

Hạng ghe	Ghe chở được số tạ	Thuế 1 năm (đồng bạc)
Ghe giàn	300 tạ trở lên	11 30
	150-300 tạ	3 80
	50-150 tạ	2 30
	11-50 tạ	0 60
Ghe lồng	300 tạ trở lên	11 30
	150-300 tạ	3 80
	50-150 tạ	2 30
	11-50 tạ	0 60
Ghe chải, cui, cá, trệt	150 tạ trở lên	3 80
	50-150 tạ	2 30
	11-50 tạ	0 60

Nguồn: (J.47, 1890, p.216)

Đối với ghe biển: Theo Nghị định ngày 01/3/1864, Nghị định ngày 25/7/1871 thì ghe biển được chia làm 4 hạng:

- Hạng nhất: Những ghe bè dài chưa tới 10 thước đóng thuế 1 năm là 2 đồng 81 cents;
- Hạng nhì: Những ghe bè dài từ 10-15 thước đóng thuế mỗi thước hoành lương một năm là 2 đồng 81 cents;
- Hạng ba: Những ghe bè dài từ 15-20 thước đóng thuế mỗi thước hoành lương một năm là 3 đồng 74 cents;
- Hạng tư: những ghe bè dài từ 20 thước trở lên đóng thuế mỗi thước hoành lương một năm là 4 đồng 68 cents.

Bên cạnh thuế ghe được quy định trên đây thì người dân phải đóng thêm tiền phụ sách ghe, bài chỉ là 1 đồng 34 cents (Nghị định ngày 24/3/1873). (J.47, 1890, p.216)

Trong thời kì này, ghe thuyền là phương tiện di chuyển chủ yếu của người dân Nam Kỳ. Ở đây, hầu như nhà nào cũng có ghe, thuyền. Mỗi ngày hàng nghìn ghe thuyền từ các tỉnh miền Tây chở lúa gạo lên Chợ Lớn đậu kín rạch Tàu Hũ. Vì vậy, việc đánh thuế vào phương tiện vận chuyển, di chuyển này đã đem về cho chính quyền thuộc địa một mối lợi không nhỏ.

Thuế sanh ý (còn gọi là thuế môn bài) được chia hạng theo nơi ở. Theo đó, những người sống tại thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn sẽ đóng thuế nhiều hơn những người ở tại thị xã, thôn quê (xem Bảng 2).

Bảng 2. Bảng thuế sanh ý do chính quyền thuộc địa ban hành

Hạng	Sài Gòn, Chợ Lớn (đồng bạc)	Các chỗ chánh địa hạt chịu thuế đất chỗ chánh, chung quanh Sài Gòn, Chợ Lớn (đồng bạc)	Các chỗ chánh địa hạt khác (đồng bạc)	Các chỗ khác không tính vào ba hạng đầu (đồng bạc)
Ngoại hạng	400	400		
Hạng nhất	150	100	80	60
Hạng nhì	100	70	55	35
Hạng ba	60	40	30	20
Hạng tư	30	20	15	10
Hạng năm	15	10	8	5
Hạng sáu	8	5	4	2 50
Hạng bảy	4	2	2	1 50
Hạng tám	2	1 50	1	0 80

Nguồn: (J.47, 1890, p.217)

Thuế sanh ý là loại thuế đánh vào kinh doanh, buôn bán. Đối với các nước tư bản có nền kinh tế phát triển thì những người đóng thuế là những chủ xưởng, nhà buôn nên số tiền nộp thuế đối với họ chỉ là con số nhỏ nhoi, không đáng kể. Tuy nhiên, ở Nam Kỳ lúc này, nền kinh tế còn nghèo nàn, chủ xưởng, nhà buôn người Việt còn nhỏ bé và yếu ớt về kinh

tế, những người đóng thuế phần nhiều là người buôn gánh bán bưng nên số tiền thuế này đối với họ thực sự là một gánh nặng.

Thuế thân (thuế đinh): Về thuế thân của người dân Nam Kỳ, chính quyền thuộc địa quy định mọi dân đinh từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng thuế này. Theo Nghị định ngày 04/12/1882 mỗi người dân đinh đóng thuế thân 2 francs/năm. Dưới triều Nguyễn, thuế thân chỉ thu của người có ít nhiều tài sản, có khả năng đóng thuế, được chia ruộng đất công, nhưng chính quyền thuộc địa thì thu toàn bộ, thu triệt để không bỏ sót ai. Vì vậy, đối với những người nghèo thì thuế thân thực sự là một nỗi ám ảnh.

Còn đối với người ngoại quốc phương Đông (chiếm số lượng đông đảo nhất là người Hoa) chính quyền chia làm 3 hạng người:

- Hạng nhất là những người chịu thuế đất hoặc chịu bài sanh ý từ 60 đồng bạc trở lên.
- Hạng nhì là những người chịu thuế đất hoặc chịu bài sanh ý từ 20 đồng cho tới 60 đồng bạc.
- Hạng ba là những người không thuộc vào hai hạng trước.

Như vậy, chính quyền thuộc địa đã xếp hạng người dân theo mức thuế họ đóng. Từ đó, chính quyền quy định mức đóng thuế thân theo 3 hạng người này. Cụ thể, thuế thân một năm định ra cho người ngoại quốc phương Đông như sau:

- Hạng nhất đóng thuế 80 đồng bạc;
- Hạng nhì đóng thuế 30 đồng bạc;
- Hạng ba đóng thuế 7 đồng bạc. (J.47, 1890, p.218)

Đối với người mới đến Nam Kỳ thì thuế ấy tính một phần tư. Bên cạnh đó, người phương Đông phải nộp tiền giấy thông hành là 2 đồng rưỡi/người, trẻ em và phụ nữ thì được cấp miễn phí. Khi được cấp giấy cho phép định cư tại Nam Kỳ (lần thứ hai) thì phải đóng 1 đồng. (J.47, 1890, p.218)

Chính quyền quy định hễ nhiều người buôn bán lập công ti với nhau thì một người sẽ đóng toàn bộ số thuế theo quy định còn các người khác phải đóng một nửa. Những người trong công ti phải khai tên, khai chỗ ở của từng người, hễ ai khai không đúng sự thật thì chính quyền sẽ phạt nặng với số tiền phạt gấp ba lần số tiền thuế.

Như vậy thuế thân không chỉ đơn thuần là một nguồn thu lớn của chính quyền mà còn là cơ sở để chính quyền thuộc địa quản lí, kiểm soát chặt chẽ người dân. Người dân Nam Kỳ thời kì này phải luôn đem giấy thuế theo bên mình, đó như là giấy tờ tùy thân bởi nếu nhân viên cảnh sát yêu cầu xuất trình giấy tờ thì những giấy thuế là bằng chứng chứng minh một người là “chính dân”. Nhưng ngược lại nếu không có đầy đủ các giấy thuế thì người đó phải chịu phạt nặng. Đối với chính quyền thuộc địa thì những người trốn thuế là những phần tử “bất hảo” đáng phải lưu ý vì không chấp hành chính sách của chính quyền.

Thuế lao dịch: Về nguyên tắc, mỗi người dân đinh Nam Kỳ chịu công sưu 5 ngày, trong đó 3 ngày về phần Nhà nước và 2 ngày về phần làng. Thuế lao dịch được chuyển thành tiền (gắn với thuế thân nộp ngân sách địa phương) để sử dụng vào việc xây dựng, tu

bổ đường sá, đê điều... Nhưng trên thực tế, khi cần làm đường hoặc đắp đê, chính quyền vẫn huy động nhân lực đi làm với số ngày công hơn 5 ngày theo quy định, họ đi lao dịch kể cả trong những ngày mùa cày cấy, thu hoạch.

Thuế đăng lâm (Thuế đốn gỗ): Người dân muốn chặt cây gỗ trong rừng Nhà nước quản lí phải có giấy phép đăng lâm giá 100 đồng/năm. Giấy phép ấy cũng dùng làm giấy sanh ý để bán cây gỗ (Nghị định ngày 16/9/1875).

Ngoài ra còn có các loại thuế khác như thuế về việc cầm đồ, thế chấp thực hiện theo luật của nước Pháp (Nghị định ngày 02/9/1865, Nghị định ngày 05/12/1865, Nghị định ngày 12/12/1881 và Nghị định ngày 02/01/1882). Thuế thu tại tòa án như mỗi tờ giấy thu nửa đồng bạc (tiền gửi giấy, gửi án); sao giấy án thì 2 đồng rưỡi; giấy đem ra tòa xử phải chịu nửa đồng bạc. (Chưa kể việc tổn hao về tra hỏi, xử án). Tiền thuế những giấy in về thuế phát cho người dân theo giá:

Giấy khai 0\$01

Giấy gửi 0\$01

Tiền gửi trước 0\$025

Giấy xin cất hàng 0\$01

Giấy xin phép cho chở hàng đi nơi khác 0\$01

Giấy phép chở lúa gạo xuống tàu 0\$01. (J. 47, 1890, p.219)

Như vậy có thể khẳng định với chính sách thuế chi tiết, khoa học, mang tính pháp quy rõ rệt, được thi hành một cách triệt để đã mang về cho chính quyền thuộc địa một số tiền khá lớn. Tuy nhiên, đối với người dân thì chính sách thuế này lại là gánh nặng đối với họ.

2.3. Tác động của chính sách thuế đến đời sống nhân dân Nam Kỳ

Với chính sách thuế cụ thể, chi tiết đã giúp cho chính quyền Pháp có được một nguồn thu rất lớn (năm 1879 là 19.657.907 francs 51 cent đến năm 1886 là gần 27 triệu francs) (Gia Định Newspaper, 1880, p.4). Thuế cũng được chính quyền điều chỉnh theo hướng ngày càng tăng lên như Nghị định 30/12/1893 do J. Fourès ban hành quy định tại Nam Kỳ từ ngày 01/01/1894 sẽ tăng thuế ruộng, thuế vườn là 10%. (Gia Định Newspaper, 1894, p.1) Đối với chính quyền thuộc địa thì tăng thuế là tín hiệu đáng mừng cho ngân sách, nhưng đối với dân nghèo, mỗi khi đến vụ thuế (tháng 5 âm lịch) thì họ lại lo lắng, nhiều người bị làng xã bắt vì không có tiền đóng thuế, một số lo sợ phải bỏ quê hương để trốn thuế...

Phần đông nhân dân Nam Kỳ vào cuối thế kỉ XIX trình độ dân trí còn thấp, còn tâm lí sợ “cửa quan”, nhưng do bức xúc với chính sách thuế nặng nề, người dân ở Sài Gòn, Chợ Lớn, hạt 20... đã mạnh dạn viết đơn gửi chính quyền yêu cầu giảm thuế bài sanh ý vì thuế quá cao người dân không thể tiếp tục công việc của mình. Thống đốc Nam Kỳ Vilers đã phải ban hành Nghị định ngày 23/5/1882, Nghị định ngày 20/6/1882... lập ủy ban để tra xét các đơn người dân phản ánh về thuế này. (Gia Định Newspaper, 1882, p.2)

Bên cạnh việc viết đơn từ phản ánh chính sách thuế nặng nề thì người dân Nam Kỳ do quá căm giận chính sách thuế nặng nề họ đã mạnh dạn đứng lên, chống lại những người thi hành công vụ - những người trực tiếp thu thuế.

Cụ thể trường hợp ông Qui 59 tuổi, ở làng Nhị Bình, hạt Mỹ Tho với nghề làm ruộng. Năm 1892, ông đánh một chức việc người Pháp tại sở thuế để phản đối chính sách thuế “tận thu”. Chính quyền thuộc địa đã ghép ông vào tội “làm nghịch”. Tòa Mỹ Tho ngày 26/11/1892 xử ông Qui 2 năm tù, đồng thời phải đóng tiền phạt là 16 góc tư. (Gia Dinh Newspaper, 1892, p.3)

Cũng trong năm 1892, nhiều người ở làng Đức Nhuận đã chống đối “làm dữ” các chức việc sở thuế. Đáng chú ý là trong những người đứng lên chống cự, đánh các viên chức thu thuế có cả các hương chức của làng như hương sư Tú, trùm Thành, hương quản Sao, hương cả Thường, hương hào Dụng, hương huấn Túc. Tòa Trà Vinh ngày 31/12/1892 đã xử: Nguyễn Văn Tú, Nguyễn Văn Giáo (còn gọi là Keo), Huỳnh Văn Đầu, Huỳnh Văn Dông mỗi người 2 tháng tù. Còn Lê Văn Thành, Kiều Văn Sao, Nguyễn Duy Thường, Trịnh Văn Dụng mỗi người 1 tháng tù. Nguyễn Văn Túc, Huỳnh Văn Hương mỗi người 8 ngày tù. (Gia Dinh Newspaper, 1893, p.3)

Trường hợp Nguyễn Văn Thanh, 21 tuổi, là người làm công tại An Thạnh, hạt Mỹ Tho, trong ngày 11/2/1893 Thanh đã mắng mỏ “sỉ nhục” một chức việc thu thuế. Tòa Mỹ Tho ngày 04/3/1893 đã xử Thanh 1 tháng tù. (Gia Dinh Newspaper, 1893, p.3) Còn Cao Văn Kim 67 tuổi và Cao Văn Thanh 17 tuổi (hai người đều làm ruộng) ngụ tại làng Tấn Đức, Long Xuyên. Vào ngày 31/01/1896, hai người chống cự một chức việc. Tòa Cần Thơ ngày 21/3/1896 đã phạt Kim 45 ngày tù, Thanh 2 tháng tù. (Gia Dinh Newspaper, 1896, p.2)

Thực tế, chính sách thuế của chính quyền thuộc địa không những gặp sự kêu than, phản đối của người dân mà trong nội bộ giới cầm quyền Pháp ở Nam Kỳ lúc bấy giờ đã có nhiều người phản đối việc tăng thuế và việc đặt ra nhiều loại thuế mới tại đây. Cụ thể trong kì họp Hội đồng thuộc địa ngày 22/12/1886, khi bàn về việc đặt ra thuế mới là thuế con dấu³. Ông Carabelli cho rằng dân Nam Kỳ phải chịu thuế quá cao và “chúng ta còn chưa biết làm theo ý dân ước muốn”. Ông Schroeder phân tích nếu thu thuế mới thì cả Nam Kỳ thu được 1.700.000 francs⁴, thêm thứ thuế này ra sẽ sinh nhiều điều thiệt hại cho người dân Nam Kỳ, lại cản trở trong việc buôn bán. Ông đề nghị nên để năm sau hãy bàn tính về loại thuế này. Ông Cuniac khẳng định người đóng thuế đã đóng nhiều hơn trước “người hút thuốc nha phiến khi trước mua 1 hộp là 2 đồng 20 cents bây giờ phải chịu 2 đồng 50 cents. Về thuế ruộng đất, thuế đầu người phương Đông, về thuế ruộng lúa cũng đều tăng lên hết.

³ Người dân phải mua giấy có con dấu của chính quyền có giá cao thấp khác nhau tùy loại khi đến tòa án, cơ quan hành chính...

⁴ Thời kì này người dân gọi đồng francs là góc tư.

Thật sự là làm nặng cho người đóng thuế” (Gia Dinh Newspaper, 1887, p.3). Duy có ông Jourdan⁵ ủng hộ việc đặt thêm thuế mới với lí lẽ “không phải vì thuế ấy mà nó (người dân) không dám kiện thưa”. (Gia Dinh Newspaper, 1887, p.3)

Như vậy, khi ngay cả người Pháp – những kẻ cai trị, những người luôn đặt nặng vấn đề tiền bạc thu được từ thuộc địa lên trên hết còn lên tiếng phản đối chính sách thuế khóa nặng nề cũng đủ cho ta có cái nhìn khách quan nhất, chân thực nhất về chính sách thuế thời kì này và sự khốn khó của người dân Nam Kỳ trước sự cao thuế nặng.

3. Kết luận

Song song với việc thiết lập bộ máy cai trị lên đất Nam Kỳ, Pháp đã ban hành chính sách thuế và bắt tay ngay vào việc thu thuế. Vô số các loại thuế đã được đặt ra như thuế thân, thuế ruộng đất, thuế lao dịch, thuế ghe thuyền, thuế đăng lâm... Các loại thuế này tuy đã có từ thời phong kiến nhà Nguyễn nhưng đã được Pháp sửa đổi, bổ sung thường xuyên theo hướng tăng mức thu ngày càng gay gắt. Điều này đã thể hiện tính chất áp đặt và tận thu, làm thay đổi hoàn toàn bản chất thuế so với thời nhà Nguyễn. Nhưng về phía Pháp, chính sách thuế triệt để đã đem lại một nguồn thu khá lớn cho họ. Với nguồn tài chính dồi dào có được từ thuế đã giúp chính quyền thuộc địa có thể nuôi được bộ máy cai trị, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc khai thác thuộc địa và tiếp tục mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra Bắc Kỳ, Trung Kỳ nhằm thực hiện âm mưu thôn tính cả nước ta.

So với thời phong kiến, chính sách thuế của Pháp tại Nam Kỳ là một bước tiến trong cơ chế quản lí kinh tế – tài chính, nhưng về mặt xã hội thì chính sách thuế thời Pháp thuộc thật sự là một gánh nặng đối với người dân. Thuế đã triệt tiêu khả năng tái sản xuất, đẩy người dân vào cuộc sống khốn cùng. Và chính sách thuế nặng nề cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ chống lại sự cai trị của Pháp.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Gia Dinh bao, số 34 ra ngày 16 tháng 11 năm 1880 [*Gia Dinh Newspaper*, No.34 on November 16, 1880].

Gia Dinh bao, số 18 ra ngày 02 tháng 6 năm 1882 [*Gia Dinh Newspaper*, No.18 on June 2, 1882].

Gia Dinh bao, số 22 ra ngày 01 tháng 7 năm 1882 [*Gia Dinh Newspaper*, No.22 on July 1, 1882].

Gia Dinh bao, số 11 ra ngày 12 tháng 3 năm 1887 [*Gia Dinh Newspaper*, No.11 on March 12, 1887].

Gia Dinh bao, số 51, tháng 12 năm 1892 [*Gia Dinh Newspaper*, No.51 on December, 1892].

Gia Dinh bao, số 07 ra ngày 14 tháng 02 năm 1893 [*Gia Dinh Newspaper*, No.7 on February 14, 1893].

⁵ Ông Carabelli, Schroeder, Cuniac, Jourdan là thành viên Hội đồng thuộc địa.

- Gia Dinh bao*, so 15 ra ngày 11 tháng 4 năm 1893 [*Gia Dinh Newspaper*. No.15 on April 11, 1893].
Gia Dinh bao, so 01 ra ngày 03 tháng 01 năm 1894 [*Gia Dinh Newspaper*. No.1 on January 03, 1894].
Gia Dinh bao, so 18 ra ngày 05 tháng 5 năm 1896 [*Gia Dinh Newspaper*. No.18 on May 5, 1896].
National Archives Center II (1890). *Document J. 47 Journal officiel de l'Indochine Française 1890* (Official Gazette, No.16, February 24, 1890).
Nguyen, D. T. (2016). *French colonial rule in Cochinchina 1859-1954* [*Che do thuc dan Phap tren dat Nam Ky 1859-1954*]. Ho Chi Minh City Publishing House.

**THE TAX POLICY OF THE FRENCH COLONIALISTS IN COCHINCHINA
IN THE END OF THE NINETEENTH CENTURY**

Le Thi Tuyet Nhung^{1*}, *Le Van Dat*²

¹*Phuoc Van Primary School, Can Duoc district, Long An province, Vietnam*

²*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

**Corresponding author: Le Thi Tuyet Nhung – Email: lenhungpv@gmail.com*

Received: October 13, 2019; Revised: March 11, 2020; Accepted: October 22, 2020

ABSTRACT

Immediately after taking over the land of Cochinchina, the French colonial government proceeded to collect various taxes here. A myriad of taxes has been imposed such as tariffs, salt taxes, alcohol taxes, opium taxes, personal taxes, land taxes, labor taxes... Some of these taxes have existed since the Nguyen feudalism, such as taxes. relatives, land taxes, labor taxes and were regularly revised and supplemented by the French colonialists. The amount of tax that the Cochinchinese people had to pay to the colonial government often increased over time. The colonial government used the proceeds from these taxes to feed the ruling apparatus, build the infrastructure for colonial exploitation... Through research, we found that the tax policy of the French period The attributes are scientific and legal, but at the same time also quite “exhaustive”. The heavy tax policy of this period made the people of Cochinchina "impoverished" and it was also one of the causes leading to the struggles of the Cochinchinese people against the French colonial rule.

Keywords: the tax policy; Cochinchina; French colonialists